

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Ngày 30/09/2025	10,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.0%	-8.2%	-

DT thuần Q3/25
1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.37 -75.6%
YoY: ▼1.41 -56.4%

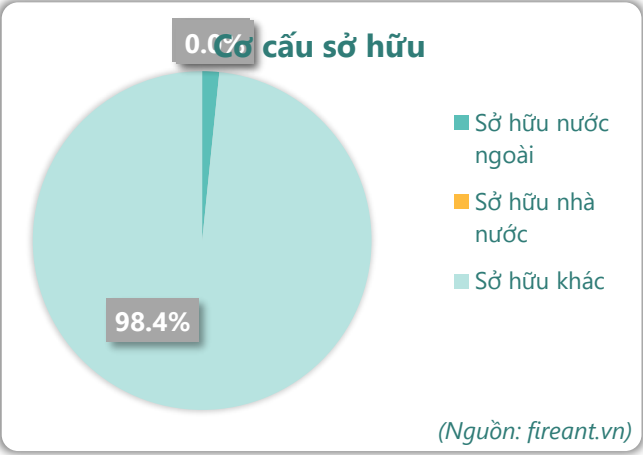
LN thuần Q3/25
0.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.23 288%
YoY: ▼0.19 -37.9%

LN sau thuế Q3/25
0.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20 390%
YoY: ▼0.25 -51.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
28.5%
YoY: +/-▲ 26.8%

ROE (TTM) Q3/25
18.0%
YoY: +/-▼ 0.8%

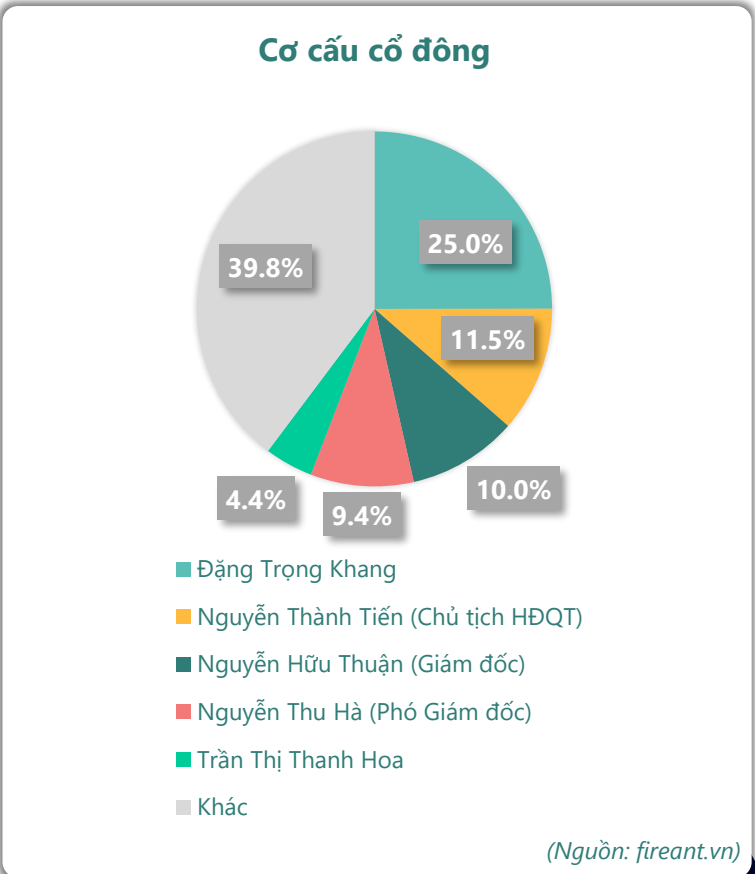
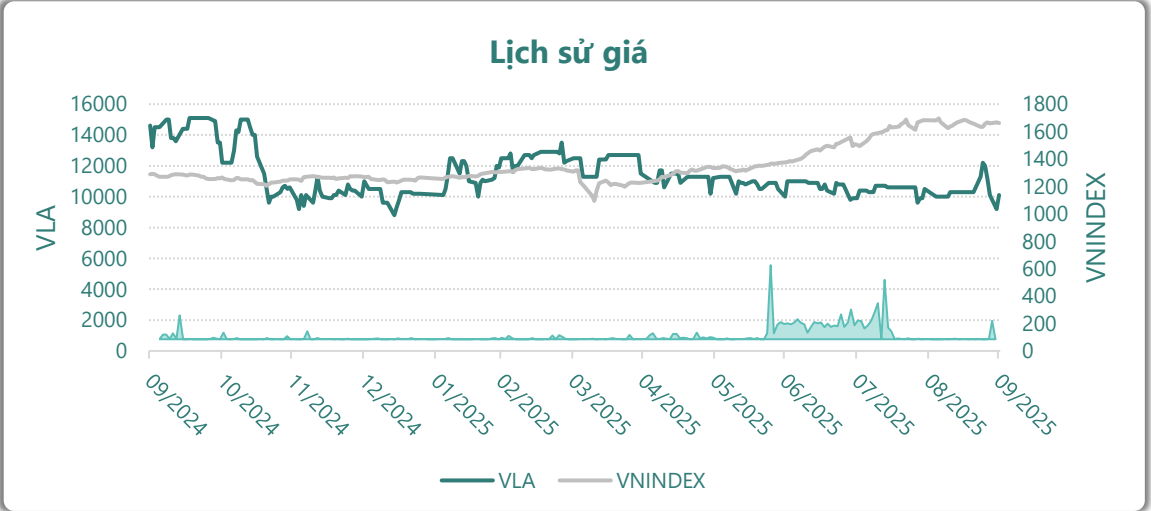
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,800 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
Số lượng CPLH (CP)	3,995,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,075
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	(0.06)
EPS	1,837
P/E	5.5



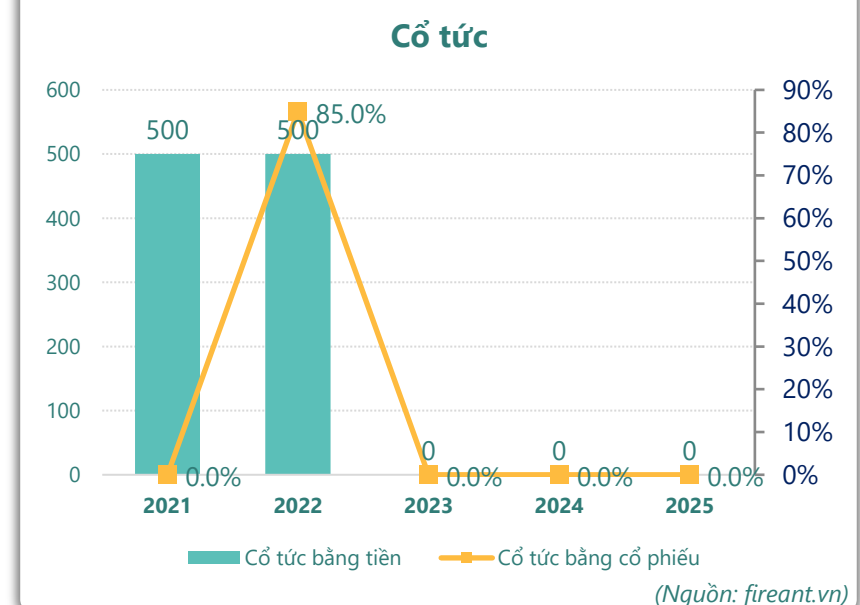
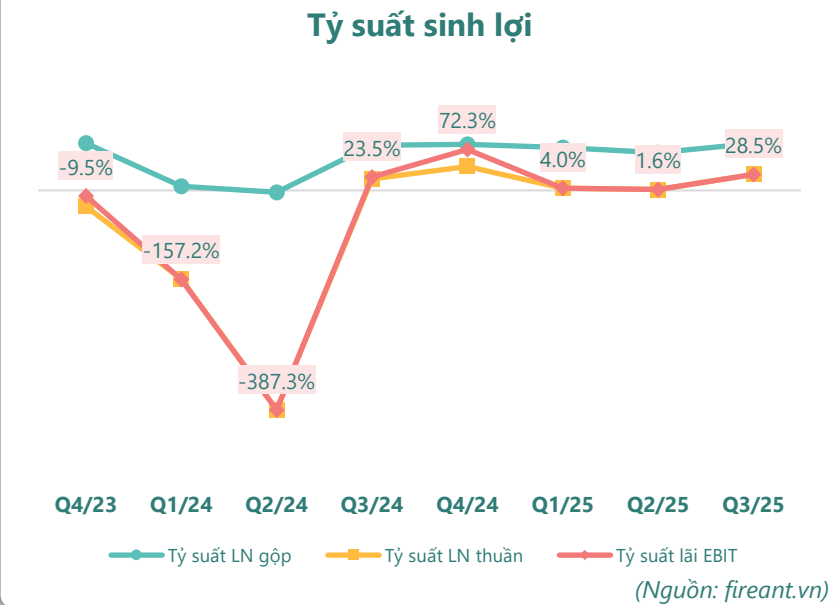
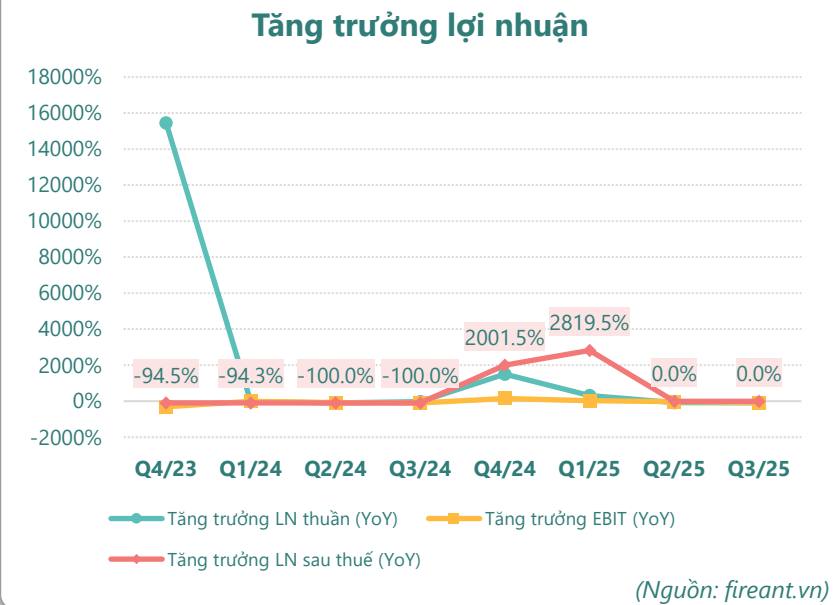
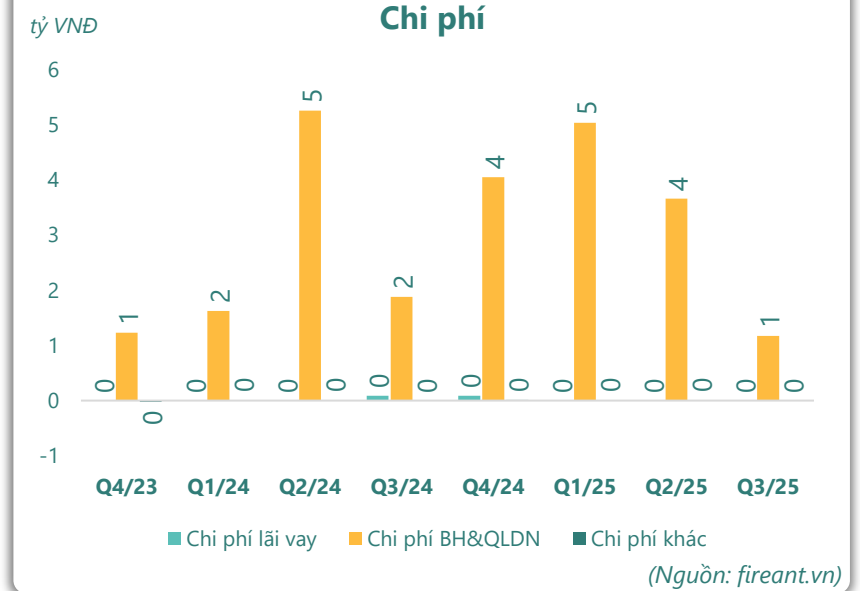
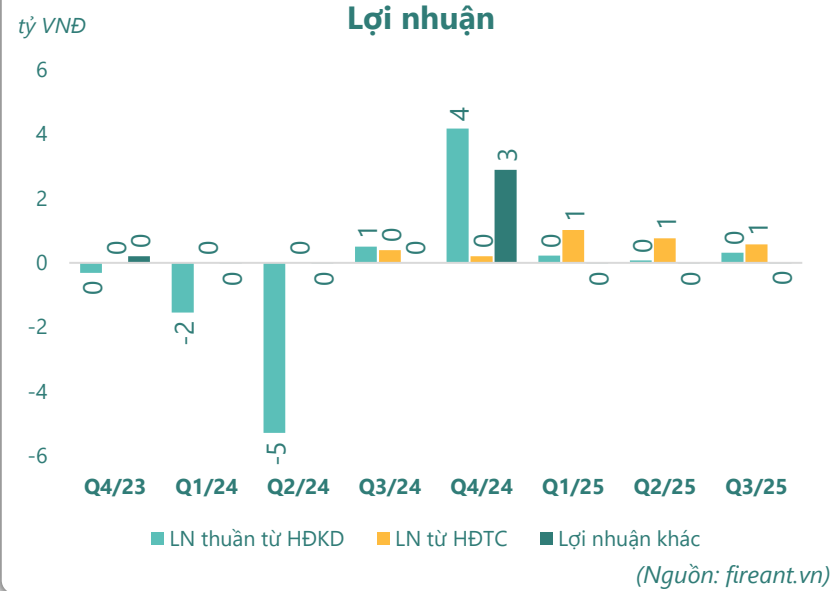
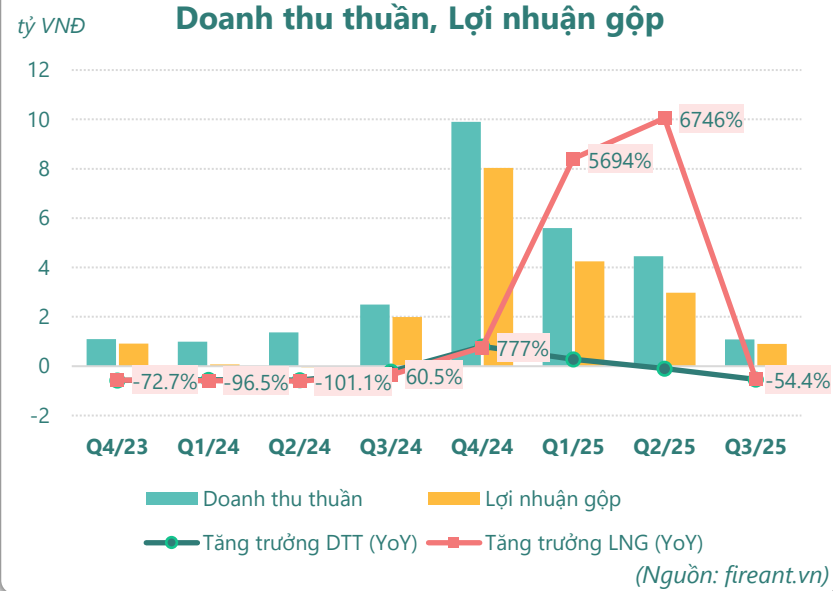
DT thuần 9T 2025
11.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.24 130%

LN thuần 9T 2025
0.61
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.95 110%

LN sau thuế 9T 2025
0.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.83 107%



KẾT QUẢ KINH DOANH

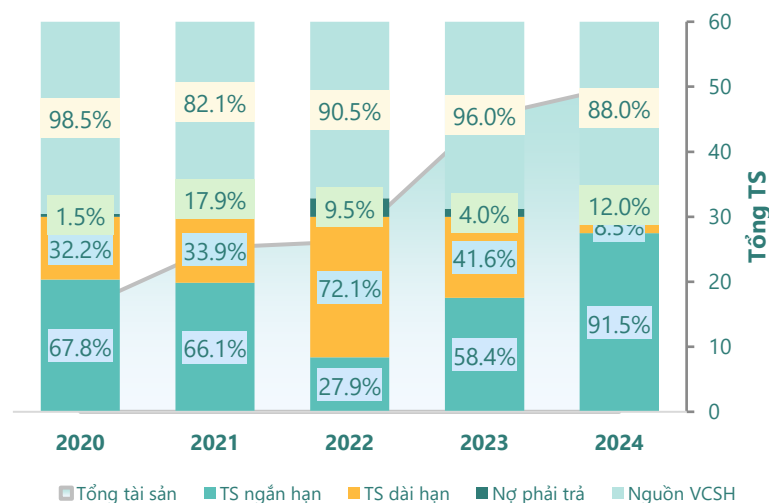




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

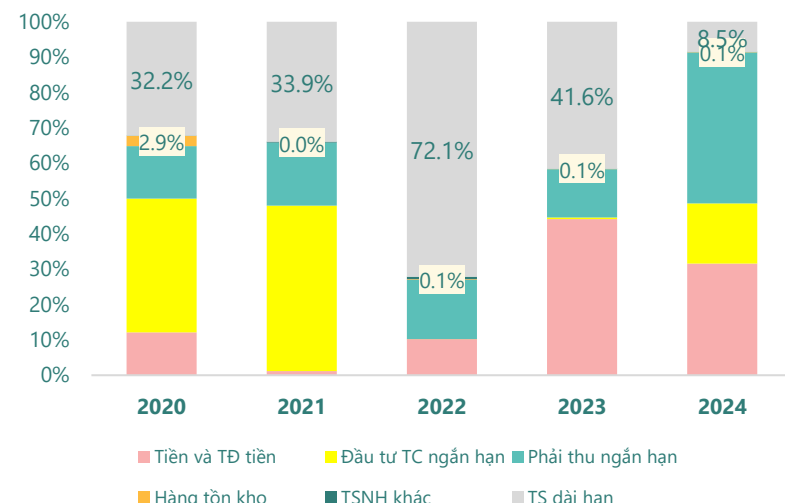
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

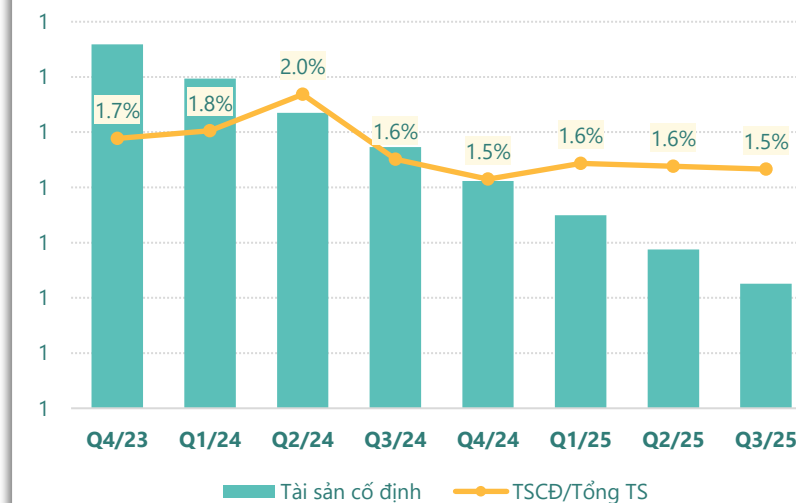
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

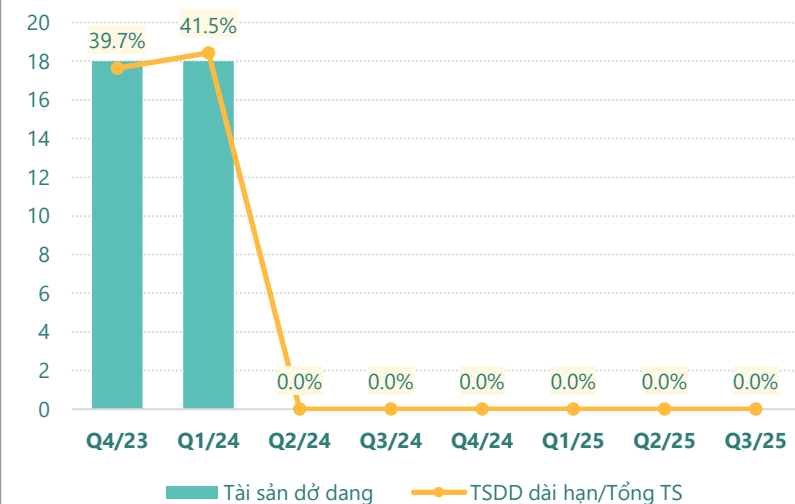
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

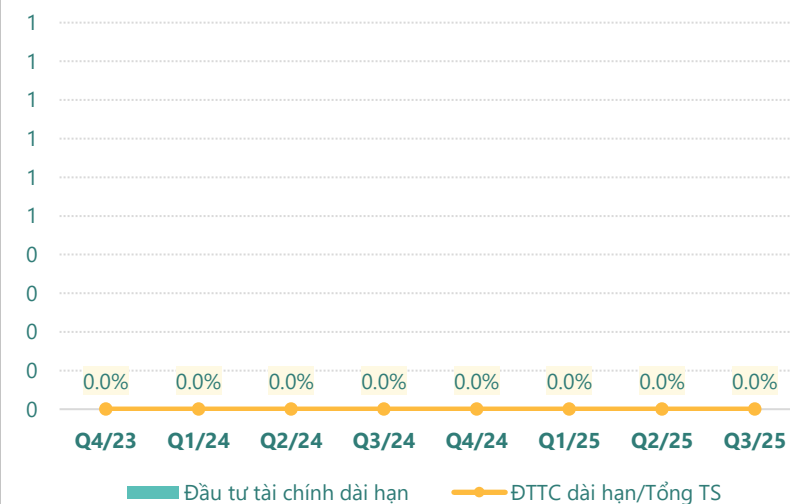
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

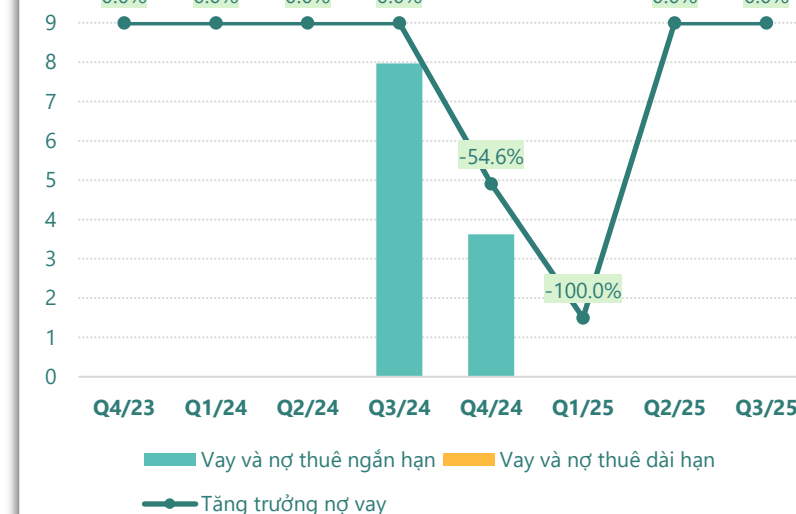
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

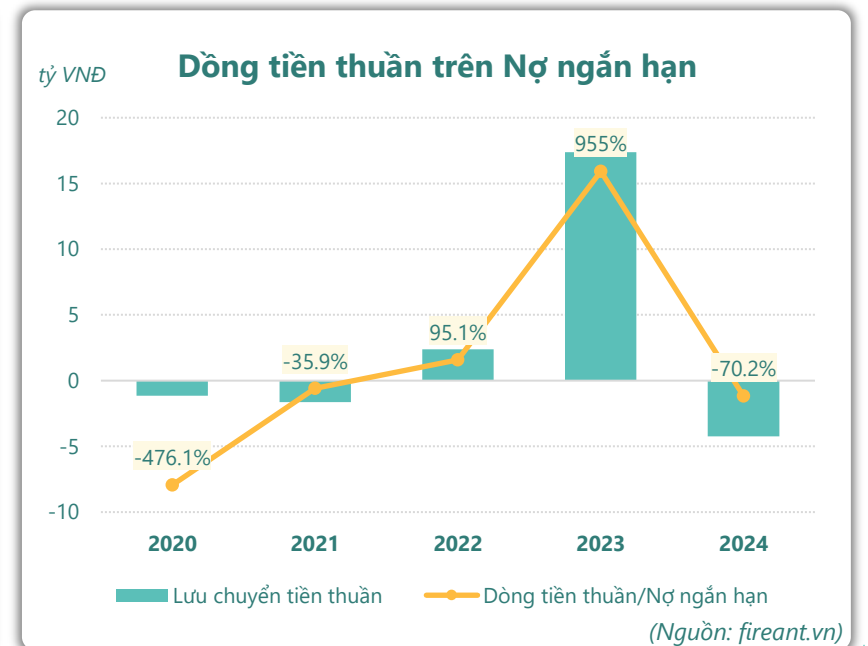
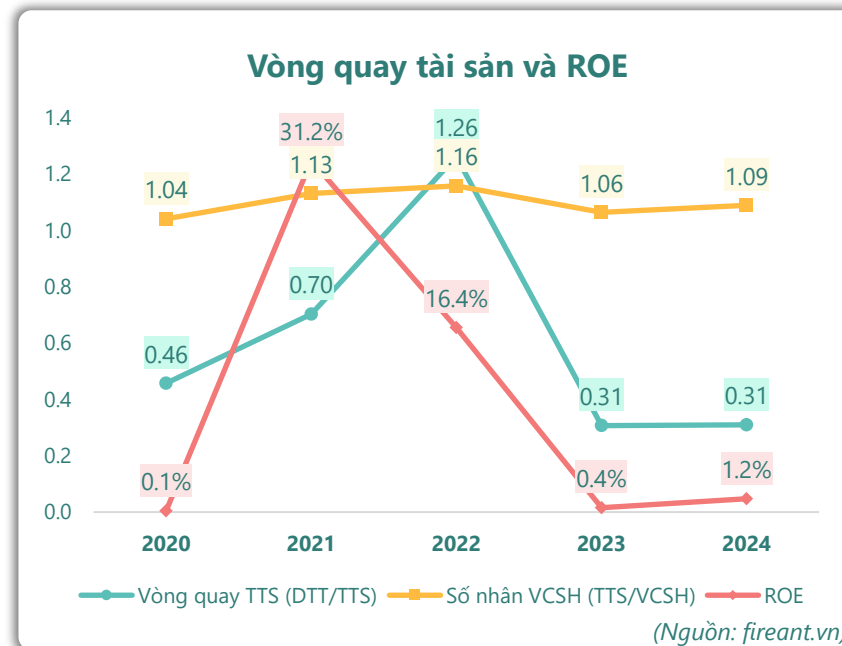
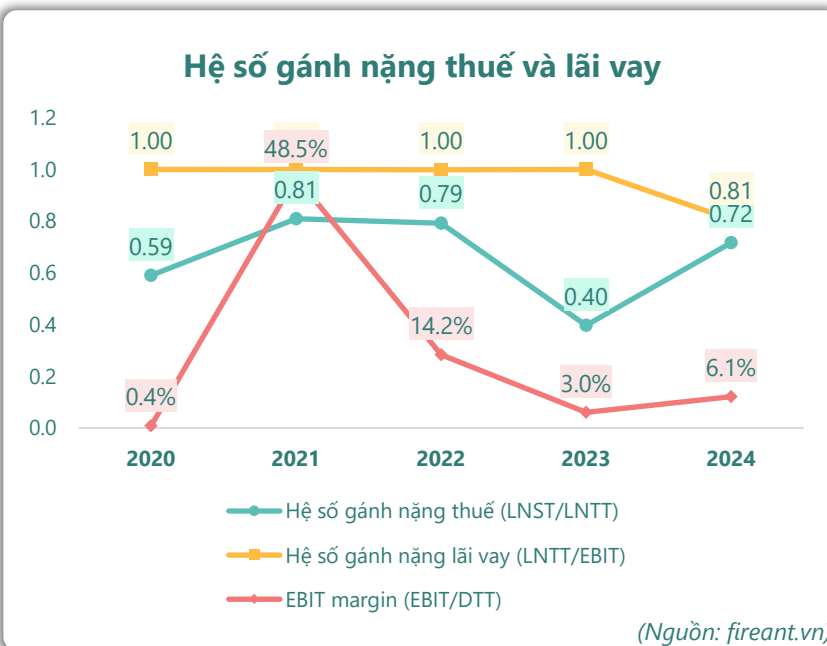
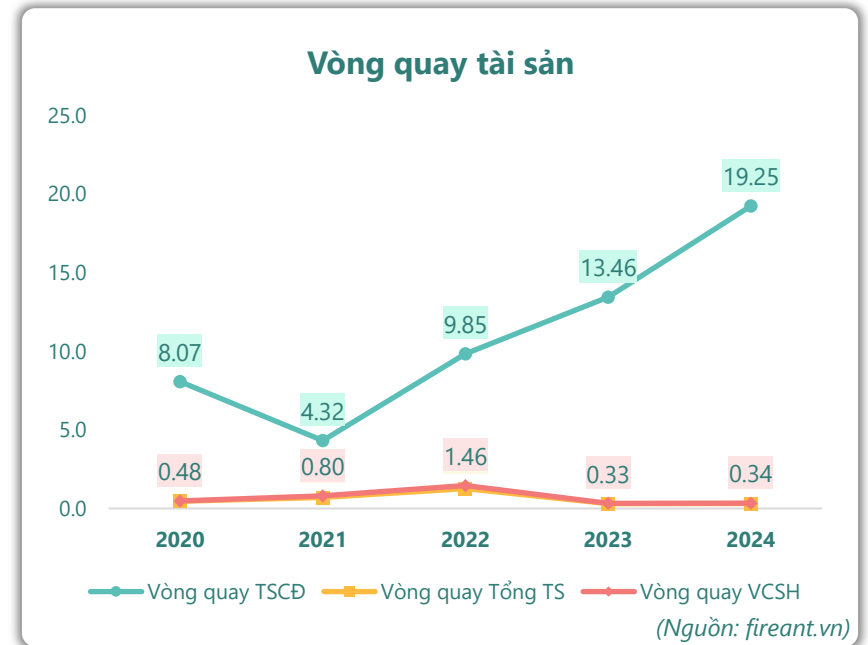
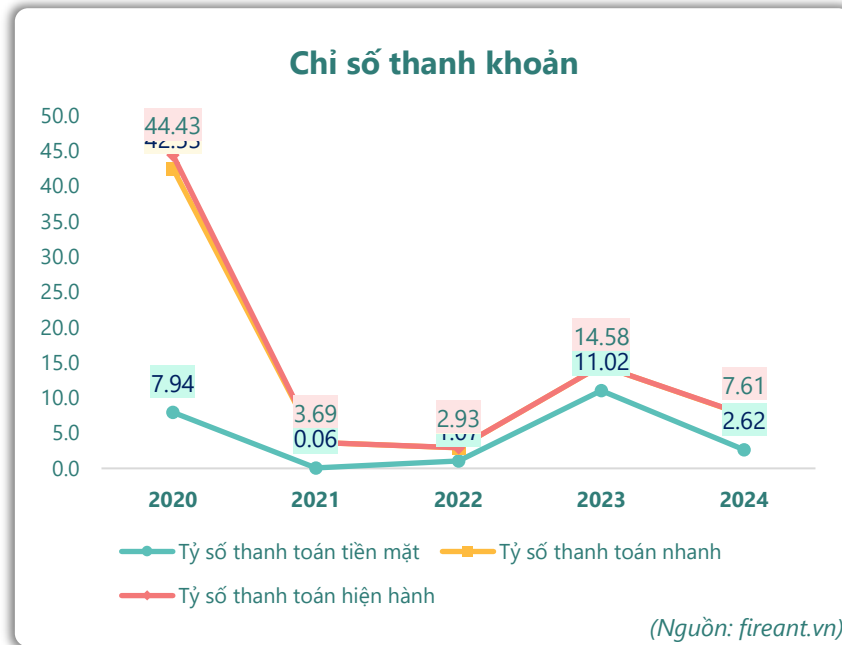
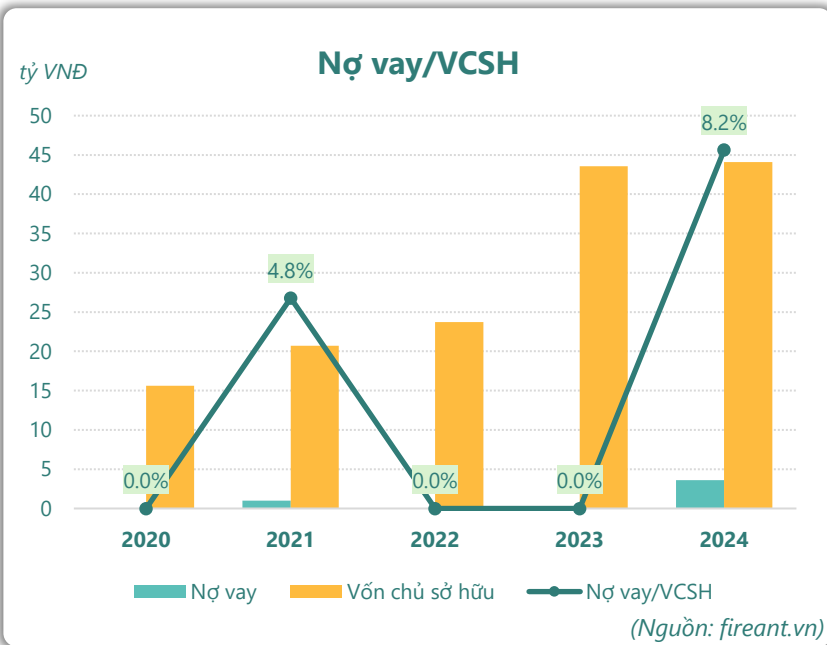
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.09	2.50	-56.4%	11.1	4.86	130%
Giá vốn hàng bán	0.18	0.51	-64.2%	3.02	2.84	6.3%
Lợi nhuận gộp	0.91	1.99	-54.4%	8.13	2.02	303%
Doanh thu HĐTC	0.82	0.84	-1.8%	2.18	0.90	142%
Chi phí TC	0.25	0.44	-43.2%	-0.18	0.49	-136%
Chi phí lãi vay	0	0.08	-100%	0.00	0.08	-96.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.67	1.34	-50.3%	8.17	6.72	21.5%
Chi phí QLDN	0.51	0.54	-6.3%	1.71	2.05	-16.6%
LN thuần từ HĐKD	0.31	0.50	-37.9%	0.61	-6.34	110%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.01	-0.01	15.7%
LN trước thuế	0.31	0.50	-37.9%	0.61	-6.35	110%
Lợi nhuận sau thuế	0.25	0.50	-51.0%	0.48	-6.35	107%
LNST của CĐ cty mẹ	0.25	0.50	-51.0%	0.48	-6.35	107%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.57	-7.54	12.3	1.17	0.12	-6.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.99	-0.01	1.11	0	1.13	1.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	7.97	-4.35	-3.62	0	0
Tiền đầu kỳ	16.9	6.29	6.71	15.8	13.4	14.6
Lưu chuyển tiền thuần	-10.6	0.42	9.10	-2.45	1.25	-4.37
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.29	6.71	15.8	13.4	14.6	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	45.6	50.1	-9.0%
Tài sản ngắn hạn	41.3	45.8	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	10.2	15.8	-35.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.50	8.55	-59.0%
Phải thu ngắn hạn	27.6	21.4	28.7%
Hàng tồn kho	0.01	0.04	-86.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	7.8%
Tài sản dài hạn	4.23	4.25	-0.3%
Phải thu dài hạn	3.49	3.45	1.2%
Tài sản cố định	0.71	0.74	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.05	-34.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.03	6.02	-83.0%
Nợ ngắn hạn	1.03	6.02	-83.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.62	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.30	0.94	-68.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	44.5	44.1	1.1%
Vốn chủ sở hữu	44.5	44.1	1.1%
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

